

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 524 /2024/DS-PT.

Ngày: 11/6/2024.

Về việc: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 354/DSPT ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2185/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 6896/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số C đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 004420; Quyết số: 06/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh): Ông Nguyễn Bảo A, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Số I đường N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 013236; Quyết số: 6/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh): Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số B đường H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số C đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn – bà Hoàng Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2021 nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim L và trình bày của ông Nguyễn Bảo A người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như sau:*

Ngày 20 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn cho bà Hoàng Thị C (Bị đơn) vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay từ 03 đến 04 tháng hoặc khi nào nguyên đơn cần thì báo trước cho bị đơn 01 tháng bị đơn sẽ trả gốc và lãi. Trong thời gian vay, bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn từ ngày 22 tháng 5 năm 2017 đến ngày 23 tháng 8 năm 2018 thì ngưng không trả, số tiền lãi nguyên đơn đã nhận là 470.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 2.000.000.000 đồng nợ gốc và lãi 9%/năm, tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 cho đến khi trả hết nợ.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn cho bị đơn vay 500.000.000đ, thời hạn vay 1,5 tháng, lãi suất vay không ghi nhưng thực tế bị đơn trả lãi cho nguyên đơn 3%/tháng. Bị đơn trả lãi từ ngày 14 tháng 5 năm 2018 đến ngày 01 tháng 8 năm 2021 thì ngưng không trả nữa, số tiền lãi bị đơn đã trả Nguyên

đơn là 210.000.000 đồng. Đối với khoản nợ này nguyên đơn yêu cầu bị đơn

2

phải trả 500.000.000đ nợ gốc cùng tiền lãi 18%/năm, tính từ ngày 02 tháng 8 năm 2021 đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn bà Hoàng Thị C có người đại diện đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh H trình bày:*

Ngày 20 tháng 4 năm 2017 nguyên đơn có cho bị đơn vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng; Ngày 16 tháng 3 năm 2018 cho vay 500.000.000 đồng. Ngày 08 tháng 01 năm 2021 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.438.400.000 đồng tiền lãi.

Ngày 16 tháng 12 năm 2007, bị đơn góp vốn với nguyên đơn và bà Võ Thị Kiều H1 để nhận lô đất có mã nền K1, kích thước 9m x 20m, diện tích 167m² tại Khu dân cư N, huyện N theo Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng số 80/HĐGV-SG-07 ngày 25 tháng 5 năm 2007, bà H1 đại diện ký với Công ty Cổ phần X dựng và kinh doanh nhà S, tổng giá trị vốn góp là 467.600.000 đồng, nhưng thực tế số tiền góp để thanh toán là 1.294.580.000 đồng. Bà H1 và nguyên đơn mỗi người góp 50% tương đương 646.290.000 đồng, bị đơn góp 216.000.000 đồng cho nguyên đơn tương đương 16,7% vốn góp. Theo bị đơn được biết thì nền đất trên đã được bàn giao cho bà H1, nguyên đơn quản lý, giá trị tạm tính là 15.000.000.000 đồng, nên trị giá vốn góp của bị đơn tương đương 2.500.000.000đ. Nay, bị đơn có yêu cầu phản tố được cân trừ số vốn góp trị giá 2.500.000.000đ của bị đơn tại hợp đồng góp vốn để trả nợ gốc 2.500.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì lãi suất cao bị đơn yêu cầu nguyên đơn tính lại lãi suất theo quy định và miễn cho bị đơn không phải trả tiền lãi còn lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thành V trình*

bày:

Ông là chồng của nguyên đơn, số tiền 2.000.000.000 đồng nguyên đơn cho bị đơn vay là tiền chung của vợ chồng, còn khoản vay 500.000.000 đồng do nguyên đơn vay của ai để cho bị đơn vay ông không rõ. Nay, nguyên đơn khởi

3

kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của số tiền đã vay ông cùng chung ý kiến với nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Hoàng Thị C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 3.693.500.000đ đồng bao gồm: 2.500.000.000 đồng nợ gốc và 1.193.500.000 đồng nợ lãi.

Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Đình chỉ yêu cầu phản tố ngày 08 tháng 6 năm 2022 của bị đơn bà Hoàng Thị C.

3/ Về thời hạn thi hành: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5/ Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6/ Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7/ Về án phí: Bà Hoàng Thị C phải chịu 105.870.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào 41.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Hoàng Thị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031634

4

ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Thị C phải nộp thêm 64.870.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25 tháng 01 năm 2024, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bị đơn là bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 2.500.000.000 đồng theo từng đợt thanh toán.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ

án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện vào năm 2017 nên Bộ luật Dân sự năm 2015 được áp dụng để giải quyết

hiện tại năm 2017, theo Bộ luật Dân sự năm 2015 được áp dụng để giải quyết vụ án.

[4] Xét nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[4.1] Về nội dung vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện, bản khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L có cho bị đơn bà Hoàng Thị C vay tiền theo Giấy vay tiền ngày 20 tháng 4 năm 2017, nguyên đơn cho bị đơn vay 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng và Giấy vay tiền ngày 16 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn cho bị đơn vay 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 1,5 tháng. Đối với số tiền vay 2.000.000.000 đồng bị đơn đã trả được 470.000.000 đồng tiền lãi và số tiền vay 500.000.000 đồng bị đơn đã trả được 210.000.000 đồng tiền lãi.

6

Bị đơn thừa nhận có vay số tiền như nguyên đơn trình bày và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tiền lãi bị đơn cho rằng tính đến ngày 08 tháng 01 năm 2021 bị đơn đã trả được tổng cộng là 1.438.000.000 đồng tiền lãi.

[4.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bị đơn phải trả 2.000.000.000 đồng nợ gốc và lãi 9%/năm, tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 cho đến khi trả hết nợ và 500.000.000 đồng nợ gốc cùng tiền lãi 18%/năm, tính từ ngày 02 tháng 8 năm 2021 đến khi trả hết nợ. Xét, bị đơn không trả tiền đúng theo thỏa thuận giữa hai bên là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.500.000.000 đồng.

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi 9%/năm từ ngày 24 tháng 8

~ 2018 đến 11/11/2018, lãi: 211,2 ~ 2.000.000.000 đồng và lãi 18%

nam 2018 đến khi trả hết nợ đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 18%/năm từ ngày 02 tháng 8 năm 2021 đến khi trả hết nợ đối với khoản vay 500.000.000 đồng. Xét, bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn số tiền lãi đã trả là 1.438.400.000đ nhưng bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh và lời trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó, cần chấp nhận sự thừa nhận của nguyên đơn là đến ngày 24 tháng 8 năm 2018 bị đơn đã trả tiền lãi 470.000.000 đồng đối với khoản vay 2.000.000.000 đồng và đến ngày 01 tháng 8 năm 2021 bị đơn đã tiền trả lãi 210.000.000 đồng đối với khoản vay 500.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thỏa thuận về lãi của khoản vay 2.000.000.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật. Lãi suất đối với khoản vay 500.000.000 đồng vượt quá quy định của pháp luật nên sẽ được điều chỉnh là 20%/năm. Tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày hết hạn vay (ngày 02 tháng 5 năm 2018) đến ngày cuối cùng bị đơn đã trả tiền lãi là ngày 01 tháng 8 năm 2021 là 324.722.187 đồng, nhưng thực tế bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn 210.000.000 đồng là ít hơn so với số tiền lãi phải trả. Nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn

7

phải trả tiền lãi còn thiếu này nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 9%/năm từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 đến khi trả hết nợ đối với khoản vay 2.000.000.000đ và tiền lãi 18%/năm từ ngày 02 tháng 8 năm 2021 đến khi trả hết nợ đối với khoản vay 500.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình: Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc cấm bà Hoàng Thị C

xuất cảnh cho đến khi vụ án được giải quyết xong hoặc có quyết định khác của Tòa án. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về căn cứ hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, đến nay bà Hoàng Thị C vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn và cũng không có ai trả nợ thay cho bà Hoàng Thị C. Do đó, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với bà Hoàng Thị C.

[6] Về rút yêu cầu phản tố ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bị đơn: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu này và trả lại bị đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về kháng cáo của bị đơn: Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn là sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn chỉ phải trả cho nguyên đơn tổng cộng là 2.500.000.000 đồng theo từng đợt thanh toán.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Giữ
8

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu 105.870.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí

bị đơn đã nộp là 41.000.000 đồng, bị đơn còn phải nộp thêm 64.870.000 đồng.

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bị đơn đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 Điều 38; Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

9

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
- Luật Thi hành án năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị C.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm

2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị C có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 3.693.500.000 (Ba tỷ sáu trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng, gồm tiền gốc 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) đồng và tiền lãi là 1.193.500.000 (Một tỷ một trăm chín mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố ngày 08 tháng 6 năm 2022 của bị đơn bà Hoàng Thị C.

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị C phải chịu 105.870.000 (Một trăm lẻ năm triệu tám trăm bảy mươi ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng

10

án phí bà Hoàng Thị C đã nộp 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031634 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hoàng Thị C phải nộp thêm 64.870.000 (Sáu mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn) đồng.

minh. Bà Hoàng Thị C phải nộp tiền 64.8 / 0.000 (Sáu mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001180 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Tân bình, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.Tân bình, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Nhung